

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 47

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 24 tháng 9 năm 2018.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thực phẩm gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Kinh doanh vận tải hàng hóa, gia công cơ khí, sửa chữa máy móc, thiết bị và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy Lavinafoods Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Bá Thước	Thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch
Ông Lê Văn Tân	Phó Chủ tịch
Ông Lê Trung Thành	Thành viên
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên

Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2020

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ban Kiểm toán nội bộ trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Huệ	Trưởng Ban
Ông Lê Huy Hùng	Phó ban

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tân	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Bá Chiêu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Quý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tân, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Văn Tân đã được Ông Lê Văn Tam ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo Giấy Ủy quyền số 01 UQ/ĐLS – TCKT ngày 21 tháng 10 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và đo độ phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để ngày 1 tháng 3 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc
Lê Văn Tân



Số tham chiếu: 61060845/21976598/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Mia đường Lam Sơn

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Mia đường Lam Sơn ("Công ty"), được lập ngày 1 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Xuân Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 30 tháng 6 năm 2020
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		677.913.863.145	584.148.780.671
110	<i>I. Tiền</i>	4	15.155.763.588	21.977.130.971
111	1. Tiền		15.155.763.588	21.977.130.971
130	<i>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		371.975.141.921	367.504.207.926
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	44.769.122.980	70.101.753.933
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	236.475.606.073	222.124.045.574
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	106.251.604.750	90.120.668.036
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(15.521.191.882)	(14.842.259.617)
140	<i>III. Hàng tồn kho</i>	8	208.677.454.065	191.393.727.287
141	1. Hàng tồn kho		211.957.073.207	194.673.346.429
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.279.619.142)	(3.279.619.142)
150	<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>		82.105.503.571	3.273.714.487
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	80.415.468.877	3.273.714.487
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.690.034.694	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.622.454.846.401	1.605.172.194.887
210	<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>		735.000.000	14.820.024.989
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	735.000.000	14.820.024.989
220	<i>II. Tài sản cố định</i>		1.061.922.581.062	1.040.512.478.686
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.031.347.540.625	1.009.786.821.482
222	Nguyên giá		2.585.109.995.573	2.630.044.445.072
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.553.762.454.948)	(1.620.257.623.590)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	30.575.040.437	30.725.657.204
228	Nguyên giá		41.498.657.235	41.498.657.235
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.923.616.798)	(10.773.000.031)
240	<i>III. Tài sản dở dang dài hạn</i>		221.898.480.150	262.606.740.765
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	221.898.480.150	262.606.740.765
250	<i>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	12	304.343.431.344	254.127.382.291
251	1. Đầu tư vào công ty con		268.025.038.981	217.408.989.928
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		36.500.000.000	36.500.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.251.145.800	5.251.145.800
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(35.432.753.437)	(35.032.753.437)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		30.000.000.000	30.000.000.000
260	<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>		33.555.353.845	33.105.568.156
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	33.555.353.845	33.105.568.156
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.300.368.709.546	2.189.320.975.558

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 30 tháng 6 năm 2020
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		780.610.515.546	671.561.413.328
310	I. Nợ ngắn hạn		676.579.871.918	582.666.092.119
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	82.960.265.144	105.492.166.838
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	99.613.641.133	10.521.680.617
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	8.046.129.290	13.584.825.247
314	4. Phải trả người lao động	16	9.154.800.309	12.678.607.429
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	7.421.742.896	7.084.402.938
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	6.737.694.267	13.526.367.061
320	7. Vay ngắn hạn	18	462.727.393.505	418.867.015.864
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	2.318.205.574	931.026.027
330	II. Nợ dài hạn		104.030.643.628	88.895.321.209
331	1. Phải trả người bán dài hạn	14.1	11.000.000.000	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	41.453.280.093	39.218.905.093
338	3. Vay dài hạn	18	14.535.000.000	3.470.000.000
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	20	37.042.383.535	46.206.416.116
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.519.758.194.000	1.517.759.562.230
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.492.980.374.289	1.489.628.322.657
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành	21	700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		180.176.411.784	180.176.411.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(32.871.891.000)	(32.871.891.000)
418	4. Quỹ đầu tư và phát triển		580.200.492.310	577.724.410.652
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		65.475.161.195	64.599.191.221
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		59.647.027.905	39.838.374.645
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		5.828.133.290	24.760.816.576
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	22	26.777.819.711	28.131.239.573
431	1. Nguồn kinh phí		5.294.154.235	5.340.121.039
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		21.483.665.476	22.791.118.534
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.300.368.709.546	2.189.320.975.558



Người lập
Lê Thu Thủy



Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà


CÔNG TY
CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG
LAM SƠN
TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Tân

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	468.062.218.397	630.250.505.422
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	24	468.062.218.397	630.250.505.422
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	426.454.477.164	561.320.177.090
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		41.607.742.233	68.930.328.332
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		1.725.062.009	1.273.987.504
22	7. Chi phí tài chính	26	8.296.103.185	19.255.715.034
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		6.769.730.182	14.378.975.341
25	8. Chi phí bán hàng	27	14.160.142.660	15.790.433.511
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	14.314.598.075	19.293.641.400
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		6.561.970.322	15.864.525.891
31	11. Thu nhập khác	28	3.501.347.449	48.296.497
32	12. Chi phí khác	28	2.598.664.433	1.590.139.664
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác [40 = 31 - 32]		902.693.016	(1.541.843.167)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		7.464.663.338	14.322.682.724
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	1.636.530.048	2.598.121.404
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51]		5.828.133.290	11.724.561.320

Người lập
Lê Thu Thủy

Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng Giám đốc
Lê Văn Tân

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		7.464.663.338	14.322.682.724
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình			
03	và hao mòn tài sản cố định vô hình		21.515.159.594	35.439.799.354
04	Các khoản dự phòng		1.078.932.265	1.676.251.296
05	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do		-	(39.647.277)
06	đánh giá lại các khoản mục tiền tệ		(5.199.364.033)	2.211.835.023
07	có gốc ngoại tệ		6.769.730.182	14.378.975.341
	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	26	(800.000.000)	-
	Chi phí lãi vay			
	Các khoản điều chỉnh khác			
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		30.829.121.346	67.989.896.461
	trước thay đổi vốn lưu động			
09	Tăng các khoản phải thu		(13.308.100.904)	(17.881.852.261)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(17.283.726.778)	171.792.198.102
11	Tăng các khoản phải trả		54.773.913.527	6.927.869.475
12	Tăng chi phí trả trước		(26.402.655.146)	(21.770.145.654)
14	Tiền lãi vay đã trả		(7.089.251.018)	(14.535.639.989)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.438.332.832)	(4.848.021.263)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.403.800.000	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.263.997.915)	(2.453.417.991)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		18.220.770.280	185.220.886.880
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(86.598.810.033)	(171.308.683.408)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		7.000.000.000	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(36.470.630.600)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		-	6.470.630.600
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	25.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.700.167.789	788.164.977
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(77.898.642.244)	(175.520.518.431)

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		535.701.893.505	365.860.317.732
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(482.578.515.984)	(360.155.393.024)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(288.872.960)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		52.856.504.581	5.704.954.708
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(6.821.367.383)	15.405.323.157
60	Tiền đầu kỳ		21.977.130.971	13.619.980.272
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền cuối kỳ	5	15.155.763.588	29.025.303.429

Người lập
Lê Thu Thủy

Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà



Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 24 tháng 9 năm 2018.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Kinh doanh vận tải hàng hóa, gia công cơ khí, sửa chữa máy móc, thiết bị và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy Lavinafoods Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn Bá Thước	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 645 người (ngày 30 tháng 6 năm 2020: 716 người).

Tính chất mùa vụ đối với hoạt động sản xuất của Công ty

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp, trong đó chủ yếu là các sản phẩm từ đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng 99,67% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ. Sản xuất đường có tính mùa vụ theo thời gian của mùa vụ trồng và thu hoạch mía, thường bắt đầu từ tháng 9 và kết thúc vào tháng 3. Theo đó, các hoạt động sản xuất chính liên quan trực tiếp đến sản phẩm đường của Công ty thường phát sinh trong giai đoạn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 7 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích, tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
1	Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	90%	90%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất phân bón, kinh doanh dịch vụ vận tải, san lấp mặt bằng, kinh doanh các dịch vụ nông nghiệp
2	Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt và chăn nuôi
3	Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	100%	100%	Huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước (*)	100%	100%	Huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp
5	Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
6	Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, nghiên cứu và chế biến các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao
7	Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao

(*) Công ty con này đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục cần thiết để chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty trách nhiệm hữu hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn là công ty mẹ và có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 vào ngày 1 tháng 3 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để thu thập đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm nay và kết thúc ngày 30 tháng 6 năm sau.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính trước, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến hạch toán khấu hao các tài sản cố định hữu hình liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất mía đường. Cụ thể như sau:

- ✓ Cho giai đoạn tài chính sáu tháng và các năm tài chính trước: Công ty trích lập và phân bổ đều chi phí khấu hao của cả năm tài chính cho các tháng mà các nhà máy đường hoạt động, thông thường từ tháng 1 đến tháng 3 và tháng 11, tháng 12 của năm tài chính.
- ✓ Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020: Công ty trích lập chi phí khấu hao theo phương pháp đường thẳng cho tất cả các tháng trong năm tài chính, ghi nhận vào Chi phí trả trước ngắn hạn và phân bổ đều vào chi phí sản xuất kinh doanh của các tháng mà nhà máy đường hoạt động, thông thường từ tháng 1 đến tháng 3 và tháng 11, tháng 12 của năm tài chính.

Việc thay đổi chính sách kế toán nêu trên không làm thay đổi kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh riêng giữa niên độ của giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 cũng như bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020.

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cân trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài và tiền thuê trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các quyền sử dụng đất này được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản và được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tài chính như sau:

- ▶ Đối với các tài sản liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất mía đường, Công ty trích lập chi phí khấu hao theo phương pháp đường thẳng cho tất cả các tháng trong năm tài chính, ghi nhận vào Chi phí trả trước ngắn hạn và phân bổ đều vào chi phí sản xuất kinh doanh của các tháng mà nhà máy đường hoạt động, thông thường từ tháng 1 đến tháng 3 và tháng 11, tháng 12 của năm tài chính.
- ▶ Đối với các tài sản phục vụ cho hoạt động quản lý chung và các hoạt động kinh doanh khác, Công ty trích lập và ghi nhận chi phí khấu hao/hao mòn đều cho các tháng trong năm/kỳ tài chính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản được Công ty áp dụng như sau:

Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 - 50 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây xanh lâu năm	8 - 23 năm

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất với thời hạn từ 30 đến 35 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.15 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014 và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKH-CN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016. Số tiền trích quỹ hàng kỳ được Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

3.16 Nguồn kinh phí sự nghiệp

Nguồn kinh phí sự nghiệp là các khoản kinh phí được cấp bởi Ngân sách Nhà nước và được phê duyệt bởi các cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện các dự án, chương trình mục tiêu không vì mục đích lợi nhuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ tài chính hiện hành và các kỳ tài chính trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Tiền mặt	1.124.597.813	252.843.555
Tiền gửi ngân hàng	14.031.165.775	21.724.287.416
TỔNG CỘNG	15.155.763.588	21.977.130.971

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	37.871.849.209	67.180.150.933
Công ty TNHH Nước giải khát Suntory		
Pepsico Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	15.007.860.000	48.550.973.625
Các khoản phải thu khách hàng khác	22.863.989.209	18.629.177.308
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	6.897.273.771	2.921.603.000
TỔNG CỘNG	44.769.122.980	70.101.753.933
Dự phòng	(5.912.668.956)	(5.233.736.691)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	227.114.723.427	203.671.949.143
<i>Trả trước tiền mua nguyên vật liệu cho hợp tác xã và hộ nông dân</i>	<i>104.045.870.707</i>	<i>138.326.439.365</i>
<i>Công ty TNHH SIG Combibloc</i>	<i>-</i>	<i>23.528.570.277</i>
<i>Công ty TNHH E D & F Man Sugar</i>	<i>48.689.399.042</i>	<i>1.982.561.000</i>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>74.379.453.678</i>	<i>39.834.378.501</i>
Trả trước cho các bên liên quan ngắn hạn <i>(Thuyết minh số 31)</i>	<u>9.360.882.646</u>	<u>18.452.096.431</u>
TỔNG CỘNG	<u>236.475.606.073</u>	<u>222.124.045.574</u>
Dự phòng	(1.104.462.620)	(1.104.462.620)

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Phải thu Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	46.214.489.117	-	25.242.404.395	-
Phải thu Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	24.077.695.983	-	23.444.838.329	-
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	21.612.122.860	-	22.197.557.902	-
Các khoản cho vay không lãi suất	8.504.060.306	(8.504.060.306)	8.504.060.306	(8.504.060.306)
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần	4.137.000.000	-	7.960.000.000	-
Phải thu khác	1.706.236.484	-	2.771.807.104	-
	<u>106.251.604.750</u>	<u>(8.504.060.306)</u>	<u>90.120.668.036</u>	<u>(8.504.060.306)</u>
Dài hạn				
Phải thu Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	-	-	13.350.024.989	-
Ký quỹ dài hạn	735.000.000	-	1.470.000.000	-
	<u>735.000.000</u>	<u>-</u>	<u>14.820.024.989</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>106.986.604.750</u>	<u>(8.504.060.306)</u>	<u>104.940.693.025</u>	<u>(8.504.060.306)</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác</i>	<i>14.105.731.227</i>		<i>18.877.591.323</i>	
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>92.880.873.523</i>		<i>72.713.076.713</i>	
<i>Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>-</i>		<i>13.350.024.989</i>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐÓ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Đơn vị tính: VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Số đầu kỳ	14.842.259.617	14.074.016.032
Dự phòng trích lập trong kỳ	678.932.265	181.021.540
Số cuối kỳ	<u>15.521.191.882</u>	<u>14.255.037.572</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn</i>	<i>5.912.668.956</i>	<i>4.746.547.266</i>
<i>Dự phòng trả trước người bán ngắn hạn</i>	<i>1.104.462.620</i>	<i>1.004.430.000</i>
<i>Dự phòng các khoản phải thu khác</i>	<i>8.504.060.306</i>	<i>8.504.060.306</i>

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Thành phẩm	106.706.780.687	(2.716.046.638)	120.748.711.286	(2.716.046.638)
Hàng hóa	12.790.813.617	-	46.808.810.307	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	60.019.483.075	(563.572.504)	22.371.585.642	(563.572.504)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	29.929.413.408	-	3.228.797.194	-
Công cụ, dụng cụ	2.222.159.761	-	1.207.333.101	-
Hàng mua đang đi trên đường	288.422.659	-	308.108.899	-
TỔNG CỘNG	<u>211.957.073.207</u>	<u>(3.279.619.142)</u>	<u>194.673.346.429</u>	<u>(3.279.619.142)</u>

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	538.384.739.822	2.018.356.635.043	52.275.913.475	20.493.766.732	533.390.000	2.630.044.445.072
- Mua trong kỳ	-	5.762.317.182	-	-	-	5.762.317.182
- Đầu tư XDCB hoàn thành	7.889.371.695	86.418.884.750	-	-	-	94.308.256.445
- Thanh lý, nhượng bán (*)	(48.332.222.913)	(89.967.441.264)	(6.526.474.885)	(178.884.064)	-	(145.005.023.126)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	497.941.888.604	2.020.570.395.711	45.749.438.590	20.314.882.668	533.390.000	2.585.109.995.573
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	110.645.971.697	321.202.642.501	34.174.240.934	19.062.671.332	333.390.000	485.618.916.464
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	274.700.714.776	1.276.892.021.543	48.073.795.612	20.200.179.319	390.912.340	1.620.257.623.590
- Khấu hao trong kỳ	9.327.051.534	65.340.098.488	259.642.143	54.424.434	4.347.828	74.985.564.427
- Thanh lý, nhượng bán (*)	(47.047.109.185)	(87.728.264.935)	(6.526.474.885)	(178.884.064)	-	(141.480.733.069)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	236.980.657.125	1.254.503.855.096	41.806.962.870	20.075.719.689	395.260.168	1.553.762.454.948
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	263.684.025.046	741.464.613.500	4.202.117.863	293.587.413	142.477.660	1.009.786.821.482
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	260.961.231.479	766.066.540.615	3.942.475.720	239.162.979	138.129.832	1.031.347.540.625

Công ty đã sử dụng bất động sản tại Mai Dịch, Hà Nội, một phần dây chuyền máy móc, thiết bị của Nhà máy Đường số 2, Nhà máy nước mía định dưỡng tế bào và một số máy móc, thiết bị khác làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

(*) Chủ yếu bao gồm nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của các tài sản có định thuộc Nhà máy cồn đã được Công ty thanh lý trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Quyền sử dụng đất lâu dài</i>	<i>Quyền sử dụng đất có thời hạn</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2020	19.037.780.000	13.157.797.517	9.303.079.718	41.498.657.235
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	-	9.187.279.718	9.187.279.718
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	-	1.562.560.308	9.210.439.723	10.773.000.031
- Hao mòn trong kỳ	-	139.036.767	11.580.000	150.616.767
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	-	1.701.597.075	9.222.019.723	10.923.616.798
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	19.037.780.000	11.595.237.209	92.639.995	30.725.657.204
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	19.037.780.000	11.456.200.442	81.059.995	30.575.040.437

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Dự án Công viên sinh thái Thanh Tam	155.452.485.928	134.396.745.525
Dự án Trung tâm Công nghệ cao Lam Sơn	30.366.333.204	30.366.333.204
Dự án nuôi cấy mía mô	16.800.607.411	16.747.188.074
Dự án Trầm Hương	9.033.126.492	8.542.424.462
Dự án Trung tâm Chế biến Nông sản Công nghệ cao Lam Sơn	3.199.455.357	40.072.118.941
Dự án Nhà máy Chế biến sữa gạo	-	31.042.259.559
Dự án khác	7.046.471.758	1.439.671.000
TỔNG CỘNG	221.898.480.150	262.606.740.765

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020			Ngày 30 tháng 6 năm 2020			
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con		266.025.038.981	(13.932.753.437)	254.092.285.544	217.408.989.928	(13.532.753.437)	203.876.236.491
Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng		21.396.593.886	-	21.396.593.886	21.396.593.886	-	21.396.593.886
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	1.395.000	13.950.000.000	-	13.950.000.000	1.395.000	-	13.950.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bà Thuóc	1.350.000	13.500.000.000	(343.965.834)	13.156.034.166	1.350.000	(343.965.834)	13.156.034.166
Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng (*)		62.016.049.053	(11.400.000.000)	50.616.049.053		(11.400.000.000)	-
Công ty TNHH Một thành viên Thành An - Lam Sơn		8.300.000.000	-	8.300.000.000		-	8.300.000.000
Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn		139.000.000.000	-	139.000.000.000		-	139.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn		9.862.396.042	(2.188.787.603)	7.673.608.439		(1.788.787.603)	8.073.608.439
Đầu tư vào công ty liên kết		36.500.000.000	(21.500.000.000)	15.000.000.000		(21.500.000.000)	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	2.150.000	21.500.000.000	(21.500.000.000)	-	2.150.000	(21.500.000.000)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân	1.500.000	15.000.000.000	-	15.000.000.000	1.500.000	-	15.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.251.145.800	-	5.251.145.800		-	5.251.145.800
Tổng Công ty Mía đường I	282.885	2.974.645.800	-	2.974.645.800	282.885	-	2.974.645.800
Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà	227.650	2.276.500.000	-	2.276.500.000	227.650	-	2.276.500.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		30.000.000.000	-	30.000.000.000		-	30.000.000.000
TỔNG CỘNG		339.776.184.781	(35.432.753.437)	304.343.431.344		(35.032.753.437)	264.127.382.291

(*) Trong kỳ, Công ty đã góp bổ sung vốn vào Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng bằng tài sản là chi phí xây dựng cơ bản dở dang thuộc dự án nhà máy chế biến lúa gạo với tổng giá trị là 50,6 tỷ VND.

Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty con, công ty liên kết cũng như các khoản đầu tư góp vốn khác do cổ phiếu của các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

12.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên đơn vị	Tỷ lệ biểu quyết (%)	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 30 tháng 6 năm 2020
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	38,39%	38,39%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	30%	30%

(i) Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển

Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 do Ban Quản lý Các khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp vào ngày 20 tháng 9 năm 2007. Công ty này có trụ sở chính tại Lô CN-B3, Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển là sản xuất, pha chế và kinh doanh các sản phẩm rượu, đồ uống. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nắm 38,39% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

(ii) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2801700568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 18 tháng 7 năm 2011. Công ty này có trụ sở chính tại thôn 8, xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân là trồng cây mía, cung cấp dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và kinh doanh các sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nắm 30% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

12.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với kỳ hạn 10 năm và đáo hạn vào ngày 29 tháng 10 năm 2029. Lãi suất của trái phiếu này được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng 1,2%/năm và được thanh toán hàng năm. Công ty đã sử dụng khoản trái phiếu này làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ngắn hạn		
Chi phí kiểm tra, bảo trì, sửa chữa	27.206.269.148	1.426.459.326
Chi phí khấu hao chờ kết chuyển (*)	51.188.884.933	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.020.314.796	1.847.255.161
TỔNG CỘNG	80.415.468.877	3.273.714.487
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	30.128.592.238	30.741.618.867
Công cụ, dụng cụ	3.426.761.607	2.363.949.289
TỔNG CỘNG	33.555.353.845	33.105.568.156

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

(*) Đây là chi phí khấu hao của các tài sản cố định hữu hình liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất mía đường chưa phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh (Thuyết minh số 3.1). Chi phí khấu hao này sẽ được phân bổ toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong các tháng còn lại của năm tài chính mà nhà máy đường hoạt động.

14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

14.1 Phải trả người bán

Ngắn hạn	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Ngày 30 tháng 6 năm 2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	71.096.107.995	71.096.107.995	49.449.454.652	49.449.454.652
Công ty TNHH Guangxi Nanning Qiaolong International Trading	16.913.925.173	16.913.925.173	16.913.925.173	16.913.925.173
Công ty TNHH SIG Combibloc	14.551.743.216	14.551.743.216	8.596.913.723	8.596.913.723
Phải trả người bán khác	39.630.439.606	39.630.439.606	23.938.615.756	23.938.615.756
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	11.864.157.149	11.864.157.149	56.042.712.186	56.042.712.186
TỔNG CỘNG	82.960.265.144	82.960.265.144	105.492.166.838	105.492.166.838
Dài hạn				
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	11.000.000.000	11.000.000.000	-	-
TỔNG CỘNG	11.000.000.000	11.000.000.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 30 tháng 6 năm 2020
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	89.401.339.133	5.009.378.617
Công ty TNHH Toàn Lộc	34.772.977.570	334.643.967
Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Song Phương	22.429.300.000	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	32.199.061.563	4.674.734.650
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 31)	9.212.302.000	5.512.302.000
TỔNG CỘNG	98.613.641.133	10.521.680.617

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Thuế giá trị gia tăng	8.289.851.881	12.387.569.082	(20.677.420.963)	-
Thuế nhà thầu	-	3.306.264.968	(153.306.260)	3.152.958.708
Thuế nhập khẩu	-	10.114.021.863	(10.114.021.863)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 30)	5.294.973.366	1.636.530.048	(3.438.332.832)	3.493.170.582
Thuế thu nhập cá nhân	-	116.545.714	(116.545.714)	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	2.997.728.213	(2.997.728.213)	-
Các loại thuế khác	-	124.460.178	(124.460.178)	-
TỔNG CỘNG	13.584.825.247	30.683.120.066	(37.621.816.023)	6.646.129.290

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 30 tháng 6 năm 2020
Chi phí vận chuyển mìa	3.634.604.898	3.953.116.465
Chi phí lãi vay	667.836.470	1.318.055.045
Chi phí xây dựng, đầu tư tài sản	699.815.688	699.815.688
Chi phí phải trả bên liên quan về phí dịch vụ tư vấn (Thuyết minh số 31)	1.393.962.725	-
Các khoản chi phí phải trả khác	1.025.522.915	1.093.415.738
TỔNG CỘNG	7.421.742.696	7.064.402.936

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Ngắn hạn		
Phải trả cổ tức	4.912.633.305	5.181.506.265
Phải trả tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2015/2016 (*)	-	2.234.355.000
Kinh phí công đoàn	53.796.946	1.731.004.698
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.176.098.608	1.724.422.916
Các khoản phải trả khác	595.165.408	2.655.078.182
	6.737.694.267	13.526.367.061
Dài hạn		
Quý khen thưởng (**)	30.000.000.000	30.000.000.000
Phải trả tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận (*)	9.954.946.150	7.720.591.150
Phải trả tiền mua cổ phần	858.313.943	858.313.943
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng lao động	640.000.000	640.000.000
	41.453.260.093	39.218.905.093
TỔNG CỘNG	48.190.954.360	52.745.272.154
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác</i>	<i>37.377.694.267</i>	<i>41.932.012.061</i>
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>-</i>	<i>2.234.355.000</i>
<i>Phải trả dài hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>10.813.260.093</i>	<i>8.578.905.093</i>

(*) Trong kỳ, Công ty đã phân loại khoản tiền thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc do vượt kế hoạch năm 2015/2016 sang Phải trả dài hạn khác do Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty sẽ không phải trả khoản này trong ngắn hạn.

(**) Đây là phần Quý Khen thưởng đã được trích lập và dự kiến được sử dụng trong dài hạn căn cứ theo Kế hoạch sử dụng Quý khen thưởng được Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt (căn cứ theo ủy quyền của Hội đồng Quản trị Công ty theo Quyết định số 289NQ/ĐLS-HĐQT ngày 30 tháng 6 năm 2020).

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020		Trang kỳ		Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)	416.950.390.964	416.950.390.964	525.701.893.505	479.924.890.964	462.727.393.505	462.727.393.505	
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	1.916.625.000	1.916.625.000	-	1.916.625.000	-	-	
	418.867.015.964	418.867.015.964	525.701.893.505	481.841.515.964	462.727.393.505	462.727.393.505	
Vay dài hạn							
Vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 31)	-	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	
Vay dài hạn đối tượng khác (Thuyết minh số 18.2)	3.470.000.000	3.470.000.000	1.800.000.000	735.000.000	4.535.000.000	4.535.000.000	
	3.470.000.000	3.470.000.000	11.800.000.000	735.000.000	14.535.000.000	14.535.000.000	
TỔNG CỘNG	422.337.015.964	422.337.015.964	537.501.893.505	482.576.515.964	477.262.393.505	477.262.393.505	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa	294.844.177.910	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 9 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 29 tháng 9 năm 2021. Lãi vay trả hàng tháng.	6%	Một số máy móc, thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2, bất động sản tại Mai Dịch, Hà Nội và trái phiếu được phát hành bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với tổng mệnh giá là 30 tỷ đồng.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	19.913.467.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 9 tháng 6 năm 2021. Lãi vay trả hàng tháng.	6,5%	Máy ép thuốc Nhà máy nước mía dinh dưỡng tế bào.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thanh Hóa	99.969.748.595	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 28 tháng 6 năm 2021. Lãi vay trả hàng tháng.	6,2%	Một số máy móc thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thanh Hóa	48.000.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2021. Lãi vay trả hàng tháng.	6%	Một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn thuộc sở hữu của một cổ đông lớn.
	462.727.393.505			

18.2 Các khoản vay dài hạn từ đối tượng khác

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ đối tượng khác được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công đoàn của Công ty	3.800.000.000	Gốc vay đáo hạn vào ngày 30 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2023. Lãi vay được thanh toán 6 tháng 1 lần.	5% - 7%	Tin chấp
Ông Lê Xuân Bách	735.000.000	Gốc vay đáo hạn vào ngày 26 tháng 5 năm 2022. Lãi và gốc vay được thanh toán khi đáo hạn	Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	Tin chấp
TỔNG CỘNG	4.535.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Số đầu kỳ	931.026.027	31.189.852.613
Trích lập quỹ trong kỳ (<i>Thuyết minh số 21</i>)	2.476.081.658	2.365.447.843
Sử dụng quỹ trong kỳ	<u>(1.088.902.111)</u>	<u>(1.657.518.219)</u>
Số cuối kỳ	<u>2.318.205.574</u>	<u>31.897.782.237</u>

20. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Số đầu kỳ	46.206.416.116	48.462.072.253
Hoàn nhập quỹ trong kỳ	(800.000.000)	-
Sử dụng quỹ trong kỳ	<u>(8.364.032.581)</u>	<u>(1.124.683.608)</u>
Số cuối kỳ	<u>37.042.383.535</u>	<u>47.337.388.645</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ</i>	52.229.206	8.097.867.100
<i>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ</i>	<u>36.990.154.329</u>	<u>39.239.521.545</u>

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tính hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019						
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	575.358.962.809	44.583.488.964	1.467.247.172.557
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	11.724.561.320	11.724.561.320
- Trích lập quỹ đầu tư, phát triển (*)	-	-	-	2.365.447.843	(2.365.447.843)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(2.365.447.843)	(2.365.447.843)
- Giảm khác	-	-	-	-	(13.711.486)	(13.711.486)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	577.724.410.652	51.563.443.112	1.476.592.574.548
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020						
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	577.724.410.652	64.599.191.221	1.489.628.322.657
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	5.828.133.290	5.828.133.290
- Trích lập quỹ đầu tư, phát triển (*)	-	-	-	2.476.081.658	(2.476.081.658)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(2.476.081.658)	(2.476.081.658)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	580.200.492.310	65.475.161.195	1.492.980.374.289

(*) Trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 589NQ/2020/ĐLS-ĐHĐCĐ của Công ty ngày 18 tháng 11 năm 2020.

Cũng căn cứ theo Nghị quyết nêu trên, Đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng đã thông qua Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2019/2020 với tỷ lệ 100:4,5 và giao cho Hội đồng Quản trị của Công ty thực hiện. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình thực hiện các thủ tục cần thiết cho nội dung này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020			Ngày 30 tháng 6 năm 2020		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000	-	700.000.000.000	700.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	180.176.411.784	180.176.411.784	-	180.176.411.784	180.176.411.784	-
Cổ phiếu quỹ	(32.871.691.000)	(32.871.691.000)	-	(32.871.691.000)	(32.871.691.000)	-
TỔNG CỘNG	847.304.720.784	847.304.720.784	-	847.304.720.784	847.304.720.784	-

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
	Vốn cổ phần đã góp	
Số đầu kỳ	700.000.000.000	700.000.000.000
Tăng vốn trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<u>700.000.000.000</u>	<u>700.000.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia/đã công bố	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (2019 - 2020: 10.000 VND/cổ phiếu).

21.4 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 30 tháng 6 năm 2020
Cổ phiếu đã được duyệt	70.000.000	70.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	70.000.000	70.000.000
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(3.005.050)	(3.005.050)
Cổ phiếu đang lưu hành	66.994.950	66.994.950
Cổ phiếu phổ thông	66.994.950	66.994.950
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC

22.1 Nguồn kinh phí

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Số đầu kỳ	5.340.121.039	1.594.781.000
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	4.403.800.000	-
Chi trong kỳ	<u>(4.449.766.804)</u>	<u>-</u>
Số cuối kỳ	<u>5.294.154.235</u>	<u>1.594.781.000</u>

22.2 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Số đầu kỳ	22.791.118.534	25.406.024.650
Sử dụng quỹ	<u>(1.307.453.058)</u>	<u>(1.307.453.058)</u>
Số cuối kỳ	<u>21.483.665.476</u>	<u>24.098.571.592</u>

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (VND) (*)	3.169.054.000	126.029.344.762
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vật tư, hàng hóa giữ hộ bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	-	8.278.095.238
<i>Vật tư, hàng hóa giữ hộ bên khác</i>	3.169.054.000	117.751.249.524
2. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	1.316	1.677
- Euro (EUR)	116	116

(*) Hàng hóa nhận giữ hộ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là giá trị của 250.600 kg đường và 3.740 kg mật ri được Công ty xuất bán cho khách hàng và đang được gửi tại kho của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Tổng doanh thu	468.062.219.397	630.250.505.422
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>253.490.258.604</i>	<i>433.526.515.208</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>212.970.530.476</i>	<i>191.649.176.190</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>1.601.430.317</i>	<i>5.074.814.024</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	-
Doanh thu thuần	468.062.219.397	630.250.505.422
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thành phẩm</i>	<i>253.490.258.604</i>	<i>433.526.515.208</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>212.970.530.476</i>	<i>191.649.176.190</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>1.601.430.317</i>	<i>5.074.814.024</i>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>149.836.190.885</i>	<i>94.769.378.466</i>
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên khác</i>	<i>318.226.028.512</i>	<i>535.481.126.956</i>

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	217.696.151.130	366.092.545.779
Giá vốn của hàng hóa đã bán	207.363.679.207	191.768.198.991
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.394.646.827	3.459.432.320
TỔNG CỘNG	426.454.477.164	561.320.177.090

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Lãi tiền vay	6.769.730.182	14.378.975.341
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	400.000.000	1.495.229.756
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư dài hạn	-	3.000.000.000
Chi phí tài chính khác	1.126.373.003	381.509.937
TỔNG CỘNG	8.296.103.185	19.255.715.034

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân công	1.994.351.837	1.946.862.085
Chi phí vận chuyển	1.908.777.512	6.380.457.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.686.333.009	5.169.519.645
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.509.948.325	1.165.223.173
Chi phí bán hàng khác	1.060.731.977	1.128.371.384
TỔNG CỘNG	14.160.142.660	15.790.433.511
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân công	5.538.201.997	9.732.242.134
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.151.737.190	2.291.977.578
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.415.252.173	3.607.562.751
Hoàn nhập quỹ khoa học công nghệ (800.000.000)	(800.000.000)	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.009.396.715	3.661.858.937
TỔNG CỘNG	14,314,588,075	19.293.641.400

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Thu nhập khác	3.501.347.449	48.296.497
Lãi thanh lý tài sản cố định	3.475.709.942	-
Thu nhập khác	25.637.507	48.296.497
Chi phí khác	2.598.654.433	1.590.139.664
Chi phí khấu hao và kiểm tu của tài sản cố định tạm dừng sản xuất	1.649.038.497	930.758.477
Phạt và truy thu thuế	50.395.021	542.901.243
Chi phí khác	899.220.915	116.479.944
LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC	902.693.016	(1.541.843.167)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	192.863.365.813	156.655.490.772
Chi phí nhân công	10.768.006.325	15.704.159.381
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	19.866.121.097	34.509.040.877
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.619.827.695	18.435.022.782
Chi phí khác	14.106.893.377	10.620.733.883
TỔNG CỘNG	<u>260.224.214.307</u>	<u>235.924.447.695</u>

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Công văn số 676/CT-TTHT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa, Công ty được áp dụng thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") là 15% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía tại địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa kể từ năm tài chính 2015 trở đi. Công ty cũng được miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp của Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn. Đối với thu nhập từ các hoạt động khác, thuế suất thuế TNDN là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận theo kế toán và lợi nhuận tính thuế:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.464.663.338	14.322.682.724
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Các khoản phạt	50.395.021	542.901.243
Chi phí của các nhà máy tạm dừng sản xuất	1.649.038.497	930.758.477
Thủ lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách	70.000.000	96.000.000
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	-	1.428.466.919
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	9.234.096.856	17.320.809.363
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập chịu thuế suất 20%	5.044.559.261	-
Thu nhập chịu thuế suất 15%	4.184.121.303	17.320.809.363
Thu nhập chịu thuế suất 0%	5.416.292	-
Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ hiện hành	1.636.530.048	2.598.121.404
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	5.294.973.366	4.749.377.605
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(3.438.332.832)	(4.848.021.263)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ (Thuyết minh số 15)	3.493.170.582	2.499.477.746

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn	Công ty con	Bán đường thành phẩm và hàng hóa đường	135.751.524.875	86.928.975.506
		Mua hàng hóa và dịch vụ	7.865.026.469	-
Công ty TNHH Thực phẩm công nghệ cao Tâm Phú Hưng	Công ty con	Góp vốn bằng tài sản	50.616.049.053	-
		Mua hàng hóa	2.136.920.060	-
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Công ty con	Bán đường	13.291.493.952	3.843.161.905
		Mua phân bón	54.920.000	5.103.217.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước	Công ty con	Mua nguyên vật liệu	5.498.975.678	13.932.568.148
Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	Công ty con	Bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ	619.879.099	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	301.689.726
Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	Công ty con	Bán thành phẩm	154.659.600	3.997.241.055
		cung cấp dịch vụ	10.000.000.000	-
		Vay dài hạn	-	6.657.143.008
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Tạm ứng tiền mua đường	3.700.000.000	-
		Mua đường	-	96.627.142.857
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	Bên liên quan khác	Mua hàng hóa và dịch vụ	62.387.200	6.380.457.224
		Bán thành phẩm	18.633.359	-
Công ty Cổ phần Brainmark	Bên liên quan khác	Chi phí dịch vụ tư vấn	6.675.620.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty bán hàng và mua hàng đối với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi từ các bên liên quan với số tiền là: 12.307.663.306 VND (tại ngày 30 tháng 6 năm 2020: 12.307.663.306 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ tài chính thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)</i>				
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	Công ty liên kết	Bán đường	2.921.603.000	2.921.603.000
Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn	Công ty con	Bán đường	3.975.670.771	-
TỔNG CỘNG			6.897.273.771	2.921.603.000
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)</i>				
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	Tạm ứng tiền sản xuất	7.674.751.246	12.935.817.570
Công ty Cổ phần Đầu tư Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền sản xuất	625.151.770	-
Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	Công ty con	Tạm ứng tiền sản xuất	178.979.630	-
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	882.000.000	882.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	Tạm ứng tiền sản xuất	-	4.634.278.861
TỔNG CỘNG			9.360.882.646	18.452.096.431

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 5)				
Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	Công ty con	Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	46.214.489.117	25.242.404.395
Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	Công ty con	Các khoản chi hộ	24.077.695.983	23.444.838.329
Các cán bộ quản lý chủ chốt	Các cán bộ quản lý chủ chốt	Tạm ứng	14.084.628.117	15.521.773.683
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu tiền gốc vay	8.504.060.306	8.504.060.306
TỔNG CỘNG			92.880.873.523	72.713.076.713
Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 6)				
Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	Công ty con	Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	13.350.024.989
TỔNG CỘNG			-	13.350.024.989
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14.1)				
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Công ty con	Phải trả tiền mua phân bón	10.437.012.179	28.863.282.179
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	Phải trả tiền mua hàng hóa	898.208.680	-
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đồng lớn	Phải trả phí thường niên	528.936.290	1.079.968.290
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	Bên liên quan khác	Phải trả phí dịch vụ	-	15.937.649.079
Công ty TNHH Lam Sơn – Sao Vàng	Công ty con	Phải trả tiền mua hàng hóa	-	10.144.162.638
Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn	Công ty con	Phải trả phí dịch vụ	-	17.650.000
TỔNG CỘNG			11.864.157.149	56.042.712.186
Phải trả người bán dài hạn (Thuyết minh số 14.1)				
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Công ty con	Phải trả tiền mua phân bón	8.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	Phải trả tiền mua hàng hóa	3.000.000.000	-
TỔNG CỘNG			11.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 14.2)				
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Trả trước tiền mua đường	8.212.732.000	4.512.732.000
Công ty TNHH Lam Sơn – Sao Vàng	Công ty con	Trả trước tiền mua vật tư	999.570.000	999.570.000
TỔNG CỘNG			9.212.302.000	5.512.302.000
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 16)				
Công ty Cổ phần Brainmark	Bên liên quan khác	Chi phí dịch vụ tư vấn	1.393.962.725	-
TỔNG CỘNG			1.393.962.725	-
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)				
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Các cán bộ quản lý chủ chốt	Tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận 2015-2016	-	2.234.355.000
TỔNG CỘNG			-	2.234.355.000
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 17)				
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Các cán bộ quản lý chủ chốt	Tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận	9.954.946.150	7.720.591.150
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	Phải trả về mua cổ phần	858.313.943	858.313.943
TỔNG CỘNG			10.813.260.093	8.578.905.093
Vay và nợ dài hạn (Thuyết minh số 18)				
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng (*)	Công ty con	Vay dài hạn	10.000.000.000	-
TỔNG CỘNG			10.000.000.000	-
(*) Đây là khoản vay có kỳ hạn 27 tháng, thời gian đáo hạn vào ngày 16 tháng 12 năm 2022 với lãi suất bằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và không có tài sản đảm bảo.				
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (Thuyết minh số 23)				
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Đường thành phẩm	-	8.278.095.238
TỔNG CỘNG			-	8.278.095.238

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập (*)	
		Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch HĐQT	541.848.962	403.885.686
Ông Lê Văn Tân	Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc	325.265.769	210.301.961
Ông Lê Trung Thành	Thành viên HĐQT	254.972.923	196.932.017
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên HĐQT	60.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên HĐQT từ ngày 18 tháng 11 năm 2020	10.000.000	-
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	189.392.054	141.051.135
Ông Lê Bá Chiêu	Phó Tổng Giám đốc	189.392.054	141.051.135
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	189.392.054	134.091.891
Ông Phạm Ngọc Quý	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 5 tháng 12 năm 2019	181.788.000	26.408.885
Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 5 tháng 12 năm 2019	186.788.000	27.101.420
Ông Lê Du Phong	Thành viên HĐQT tới ngày 16 tháng 1 năm 2020	-	78.000.000
Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc tới ngày 1 tháng 10 năm 2019	-	65.346.629
TỔNG CỘNG		2.128.839.816	1.472.170.759

(*) bao gồm Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp. Doanh thu các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp chiếm tỷ trọng 100% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết liên quan đến khoản đầu tư dài hạn

Thực hiện Nghị quyết số 99/NQ/ĐLS – HĐQT ngày 5 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn với tổng vốn điều lệ được đăng ký là 26 tỷ VND do Công ty sở hữu 100% vốn để thực hiện các hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã thực hiện góp vốn vào công ty con này với tổng số tiền là 9.862.396.042 VND và Công ty đang trong quá trình hoàn thành các thủ tục để góp bổ sung phần vốn điều lệ còn thiếu tại công ty con này.

Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có cam kết khoảng 34,5 tỷ VND từ các hợp đồng mua máy móc thiết bị, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Như được trình bày tại Thuyết minh số 21.1, ngày 25 tháng 1 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 37/NQ/ĐLS-HĐQT về việc bán 3.005.050 cổ phiếu quỹ của Công ty. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình hoàn thành các thủ tục cần thiết để thực hiện nội dung này.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Người lập
Lê Thu Thủy

Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà

CÔNG TY
CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG
LAM SƠN

Tổng Giám đốc
Lê Văn Tân

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2021

